

Số: 09/2025/QĐST-DS

Hưng Yên, ngày 28 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 8 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 09/2025/TLST-DS ngày 28/02/2025.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Bùi Văn H, sinh năm 1948;
- *Bị đơn:* Anh Bùi Ngọc T, sinh năm 1983
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
 - + Ông Bùi Xuân Â, sinh năm 1954;
 - + Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1962
 - + Chị Đỗ Thị Lan H2, sinh năm 1991
 - + Bà Bùi Thị T1, sinh năm 1949;
 - + Anh Bùi Văn H3, sinh năm 1979;
 - + Anh Bùi Văn H4, sinh năm 1976 (có vợ là chị Phạm Thị B, sinh năm 1967)

Ông H, anh T, ông Â, bà H1, bà T1, chị H2, anh T2, anh H4, anh H3, chị B đều có địa chỉ cư trú tại: Địa chỉ: Thôn T, xã V, tỉnh Hưng Yên.

- + Chị Bùi Thị H5, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn L, xã V, tỉnh Hưng Yên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Bùi Văn L, cụ Nguyễn Thị R:
Cụ Bùi Văn L (sinh năm 1923, chết ngày 05/11/1999) và cụ Nguyễn Thị R (sinh năm 1924, chết ngày 08/02/1996). Thời điểm mở thừa kế của cụ L là ngày 05/11/1999, thời điểm mở thừa kế của cụ R là ngày 08/02/1996.

2.2 Xác định người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Bùi Văn L, cụ Nguyễn Thị R: Gồm ông Bùi Văn H, ông Bùi Xuân Á và những người thừa kế thế vị của ông Bùi Văn O (ông Bùi Văn O đã chết ngày 13/10/1987) là chị Bùi Thị H5, anh Bùi Văn H3, anh Bùi Văn H4 (có chị Phạm Thị B đại diện).

2.3 Xác định di sản thừa kế của cụ Bùi Văn L, cụ Nguyễn Thị R để lại là: 352,4m² đất ao tại thửa đất số 128, tờ bản đồ số 01, bản đồ 241 (theo bản đồ Vlap là thửa số 09, số 10 tờ bản đồ số 14) - địa chỉ tại thôn T, xã V, tỉnh Hưng Yên (Trước sáp nhập là thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình).

Xác định diện tích 176,2m² đất ao còn lại tại thửa đất số 128 tờ bản đồ số 01, bản đồ 241 (theo bản đồ Vlap là thửa số 10, tờ bản đồ số 14) - địa chỉ tại thôn T, xã V, tỉnh Hưng Yên (Trước sáp nhập là thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình) thuộc quyền sử dụng hợp pháp của anh Bùi Văn T3 (diện tích đất ao anh T3 được giao theo Quyết định số 652/QĐ của Ủy ban nhân dân tỉnh T cùng cụ Bùi Văn L, Nguyễn Thị R).

Trị giá đất ao là 2.000.000 đồng/m² (hai triệu đồng/m²)

2.4 Phân chia di sản thừa kế của cụ Bùi Văn L, cụ Nguyễn Thị R như sau:

2.4.1 Chị Bùi Thị H5, anh Bùi Văn H4 (có chị Phạm Thị B đại diện) và anh Bùi Văn H3 (Là những người thừa kế thế vị của ông Bùi Văn O) được quyền sử dụng 96,1m² đất ao tại thửa đất số 128, tờ bản đồ số 01, bản đồ 241 (theo bản đồ Vlap là thửa số 09 tờ bản đồ số 14) - địa chỉ tại thôn T, xã V, tỉnh Hưng Yên, vị trí tiếp giáp đất ao của bà Bùi Thị T1; trị giá 192.200.000 đồng (Một trăm chín mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng). Trên đất có một lán để xe diện tích 21,7m², mái lợp tôn của anh Bùi Văn T3 xây dựng. (Diện tích đất có sơ đồ kèm theo, trên sơ đồ ký hiệu S1). Chị H5, anh H3 và anh H4 (có chị B đại diện) tặng cho 96,1m² đất ao di sản được hưởng cho bà Bùi Thị T1. Như vậy bà Bùi Thị T1 được quyền sử dụng 96,1m² đất ao đó.

2.4.2 Ông Bùi Văn H được quyền sử dụng 93,0m² đất ao tại thửa đất số 128, tờ bản đồ số 01, bản đồ 241 (theo bản đồ Vlap là thửa số 09, số 10 tờ bản đồ số 14), vị trí tiếp giáp diện tích đất chia cho anh Bùi Văn H3, anh Bùi Văn H4, chị Bùi Thị H5; trị giá 186.000.000 đồng (Một trăm tám mươi sáu triệu đồng). Trên đất có một cổng gồm 02 trụ cổng xây, 02 cánh cổng bằng sắt hộp do anh Bùi Văn T3 xây dựng. (Có sơ đồ kèm theo, trên sơ đồ ký hiệu S2).

2.4.3 Ông Bùi Văn Á1 được quyền sử dụng 99,8m² đất ao tại thửa đất số 128, tờ bản đồ số 01, bản đồ 241 (theo bản đồ Vlap là thửa số 09, số 10 tờ bản đồ số 14), vị trí tiếp giáp diện tích đất chia cho ông Bùi Văn H; trị giá 199.600.000 đồng (Một trăm chín mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng) (Có sơ đồ kèm theo, trên sơ đồ ký hiệu S3).

2.4.4 Anh Bùi Văn T3 được quyền sử dụng 63,6m² đất ao di sản tại thửa đất số 128, tờ bản đồ số 01, bản đồ 241 (theo bản đồ Vlap là thửa số 10 tờ bản đồ số 14) do có công sức quản lý, bảo quản di sản của cụ L, cụ R để lại và được sử dụng 176,2m² đất ao của anh T3 được Nhà nước giao theo Quyết định 652/QĐ, như vậy tổng diện tích đất ao anh T3 được quyền sử dụng là 239,8m², trị giá 479.600.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng). Trên đất có 01 nhà cấp 4 diện tích 58,5m², mái tôn bán mái diện tích 9,7m² và 01 lán tôn diện tích 28,8m² do anh Bùi Văn T3 xây dựng (Có sơ đồ kèm theo, trên sơ đồ ký hiệu S4).

2.4.5 Trên diện tích đất những người thừa kế của cụ L, cụ R được chia, có các công trình và cây cối do anh Bùi Văn T3 xây dựng và trồng trên đất, anh T3 có trách nhiệm tháo dỡ, di chuyển để bàn giao mặt bằng cho những người thừa kế của cụ L, cụ R. Trường hợp các bên có nhu cầu chuyển nhượng lại các công trình, cây cối cho nhau thì các bên tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4.6 Ông Bùi Văn Á1, bà Phạm Thị H1 không yêu cầu những người thừa kế khác phải thanh toán tiền giá trị đôn lấp đất ao là di sản của cụ L, cụ R để lại.

2.4.7 Những người thừa kế của cụ L, cụ R không phải thanh toán chênh lệch giá trị di sản cho nhau.

2.5 Về án phí:

Ông Bùi Văn H, ông Bùi Văn Á1 là người cao tuổi, anh Bùi Văn H4 là người khuyết tật (có xác nhận của UBND xã V) và đều có đơn xin được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Tòa án căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy an Thường vụ Quốc Hội, miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho ông Bùi Văn H, ông Bùi Văn Á1, anh Bùi Văn H4.

Chị Bùi Thị H5, anh Bùi Văn H3, anh Bùi Văn T3 phải chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần di sản được hưởng và tài sản được chia. Cụ thể: Chị H5 phải nộp 1.601.666 đồng, làm tròn là 1.602.000 đồng (một triệu sáu trăm linh hai nghìn đồng); Anh H3 phải nộp 1.601.666 đồng, làm tròn là 1.602.000 đồng (một triệu sáu trăm linh hai nghìn đồng). Anh T3 phải nộp 11.592.000 đồng (mười một triệu năm trăm chín mươi hai nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND khu vực 5 – Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu HCTP./.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Bình